

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28/10/2019.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Công Kiều
Bà Phan Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thụy Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2 Bái Tr, xã H, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1982. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3 Bái Tr, xã H, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2019, biên bản ghi lời khai ngày 09/8/2019 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Đỗ Thị D thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã H, huyện L cấp đăng ký kết hôn năm 2011. Sau thời gian chung sống với nhau được hai năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống dẫn tới tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải dàn xếp nhưng không được, do đó hai người đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có khả năng hàn gắn được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bảo.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Anh T, sinh ngày 02/7/2015 hiện nay đang sống cùng với chị, nguyện vọng của chị sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Đỗ Văn B ngày 22/8/2019 thể hiện:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Đỗ Thị D trình bày là đúng. Năm 2011, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống do đó hai người đã sống ly thân từ 05 năm nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt và không có khả năng hàn gắn được nữa. Nay cô D làm đơn xin ly hôn anh xét thấy vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi đã lâu, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Anh T, sinh ngày 02/7/2015 hiện nay đang sống cùng với chị D, chị D có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng nhưng nếu sau này chị D đi bước nữa không có khả năng nuôi con được hoặc nếu con bị bạo hành thì đề nghị chị D giao lại con cho anh nuôi dưỡng.

3. Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 11/10/2019 của UBND xã H như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Đỗ Văn B kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên hai người đã sống ly thân khoảng 5 năm nay, chị D làm đơn ly hôn không yêu cầu địa phương hoà giải, do đó chính quyền địa phương không tổ chức hoà giải.

- Về con chung: Chị D, anh B có một con chung là Đỗ Anh T, sinh ngày 02/7/2015 hiện nay đang ở với chị D.

Nay chị D có đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, phía địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét thấy chị D và anh B mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thị D, cho chị D được ly hôn anh Đỗ Văn B.

Về con: Xét thấy cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 02/7/2015 đang còn nhỏ và lâu nay chị D đang chăm sóc, nuôi dưỡng nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T nên giao cháu Tuấn cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị D và anh B không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị D chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Văn B có nơi cư trú tại thôn 3, Bái Tr, xã H, huyện L, tỉnh Thanh Hoá. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện L.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn là anh Đỗ Văn B đã có lời khai tại Tòa án, nhận thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B từ chối hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Đỗ Văn B kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện được UBND xã H, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn, như vậy hôn nhân giữa chị D và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh B: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra những bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ 05 năm nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng dần nứt và không có khả năng hàn gắn được nữa. Chị D làm đơn xin ly hôn, anh B cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị D và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị D và anh Đỗ Văn B là phù hợp với tình trạng thực tế hôn nhân hiện nay.

[4] Về con chung: Chị Đỗ Thị D và anh Đỗ Văn B đều thống nhất có một con chung là Đỗ Anh T, sinh ngày 02/7/2015.

Xét nguyện vọng của chị D mong muốn được nuôi cháu Đỗ Anh T vì hiện nay cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, hơn nữa cháu ở với chị D từ nhỏ, anh B cũng đồng ý giao con cho chị D nên cần giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh T là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, do đó hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị D và anh B không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị D và anh Đỗ Văn B.

Về con chung: Chấp nhận cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 02/7/2015 là con chung của chị Đỗ Thị D và anh Đỗ Văn B.

Giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh T cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên. Anh B có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở nhưng anh B cũng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của chị D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Đỗ Thị D chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA//0005567 ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc (chị D đã thi hành xong).

Về quyền kháng cáo: Chị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hậu Lộc.
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc.
- UBND xã H
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga